

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 12 - 11 - 2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn
2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D

Địa chỉ: Số 28C-28D phố Bà T, phường Hàng B, quận Hoàn K, TP. H1 Nội.

Địa chỉ nhận thông báo: Số 516 Nguyễn Hữu T1, quận Cẩm L, TP. Đà Nẵng.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phương N và/hoặc ông Nguyễn Văn T2- Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, ban xử lý nợ miền Trung-Ngân Hàng TMCP Quốc D, theo Giấy ủy quyền số 96/2021/UQ-CTHĐQT ngày 01/10/2021 của Chủ tịch

Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D và giấy ủy quyền số 467/2021/UQ-NCB ngày 01/10/2021 của Phó tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D- Ông N có mặt;

2. Bị đơn: - Ông Lê Công M. Sinh năm: 1986

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H1. Sinh năm: 1985

Cùng trú tại: Tổ 05 phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Cả hai đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, bản tự khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D ông Trương Phương N trình bày:

Ngân hàng TMCP Quốc D- Chi nhánh Đà Nẵng- Phòng giao dịch Nguyễn Hữu Thọ với ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có ký hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ số 063/20/HĐCV-9357 ngày 26/10/2020 và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/063/20/HĐCV-9357 ngày 26/10/2020.

Số tiền vay là 1.800.000.000 đồng, mục đích vay hoàn tiền mua bất động sản, thời hạn vay 300 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất trong hạn, lãi suất 12 tháng đầu là 10,6%/năm, lãi suất ký tiếp tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 3.9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

Ngân hàng đã giải ngân vốn vay và ông M, bà H1 đã nhận nợ toàn bộ số tiền nêu trên. Để đảm bảo cho khoản vay ông M và bà H1 đã đăng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 062/20/HĐTC-9357 ngày 26/10/2020, công chứng tại Văn phòng công chứng Sông Hàn ngày 26/10/2020 số công chứng 4358. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 83, tờ bản đồ số 105, diện tích 161.8m²; địa chỉ tổ 05 phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và tài sản gắn liền trên đất là nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 67.4m², diện tích sàn 92.4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 178203 do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Tính đến hết ngày 11/5/2021 ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 12.023.008 đồng; trong đó trả nợ gốc là 11.942.808 đồng, trả lãi là 80.208 đồng.

Trong quá trình vay vốn đến nay ông M và bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ và đã phát sinh nợ quá hạn.

Tính đến ngày 12/11/2021 ông M và bà H1 còn nợ ngân hàng số tiền nợ là 2.000.045.470 đồng; trong đó nợ gốc là 1.788.057.192 đồng; lãi trong hạn là 197.698.079 đồng, lãi quá hạn là 14.290.199 đồng.

Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D đã nhiều lần làm việc với ông M và bà H1 yêu cầu trả nợ vay nhưng ông M và bà H1 không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D yêu cầu Tòa án giải quyết để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP Quốc D kính đề nghị Tòa án nhân D quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng xem xét giải quyết:

Buộc ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D tổng số tiền tính đến ngày 12/11/2021 là 2.000.045.470 đồng; trong đó nợ gốc là 1.788.057.192 đồng; lãi trong hạn là 197.698.079 đồng, lãi quá hạn là 14.290.199 đồng.

Buộc ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/11/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Nếu ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì yêu cầu tòa án phát mãi tài sản đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 83, tờ bản đồ số 105, diện tích 161.8m²; địa chỉ tổ 05 phường Hòa Q, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và tài sản gắn liền trên đất là nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 67.4m², diện tích sàn 92.4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 178203 do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng yêu cầu ông M và bà H1 trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc D.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày:

Tôi xác nhận về thời gian vay tiền, số tiền vay, mục đích vay cũng như lãi suất vay. Trong quá trình vay thì vợ chồng tôi đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc D tổng số tiền nợ là 12.023.008 đồng; trong đó trả nợ gốc là 11.942.808 đồng, trả nợ lãi là 80.200.000 đồng. Hiện nay tôi xác nhận còn nợ Ngân hàng, tính đến ngày 09/7/2021 tổng cộng là 1.926.175.633 đồng; trong đó nợ gốc là 1.788.057.192 đồng; nợ lãi trong hạn là 131.988.203 đồng, lãi quá hạn là 6.130.238 đồng.

Trong thời gian vay do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên chưa trả được cho Ngân hàng số tiền còn nợ.

Nay vợ chồng tôi xin trả dứt điểm số tiền 1.921.785.924 đồng cho Ngân hàng trong thời gian 03 tháng.

Bị đơn ông Lê Công M đã được tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng đều vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đầy đủ và đúng pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn là ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 320, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6 khoản 2 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D đối với ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Buộc ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D số tiền là 2.000.045.470 đồng; trong đó nợ gốc là 1.788.057.192 đồng; lãi trong hạn là 197.698.079 đồng, lãi quá hạn là 14.290.199 đồng.

Nếu ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 178203, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 105, diện tích 161.8m²; địa chỉ tổ 05 phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng của ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ

lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn là ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Do có nhu cầu vay tiền để mua bất động sản nên vào ngày ngày 26/10/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D và ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 ký hợp đồng cho vay số 063/20/HĐCV-9357 và khế ước nhận nợ số 001/KUNN/063/20/HĐCV-9357 để vay số tiền 1.800.000.000 đồng, mục đích vay hoàn tiền mua bất động sản, thời hạn vay 300 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân lần đầu tiên, lãi suất trong hạn; lãi suất 12 tháng đầu là 10,6%/năm, lãi suất ký tiếp tiếp theo được điều chỉnh 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở + 3.9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi 10%/năm.

Để đảm bảo cho các khoản nợ vay trên ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 178203, thửa đất số 83, tờ bản đồ số 105, diện tích 161.8m²; tại tổ 05 phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu của ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 nhưng ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình mà đã vi phạm các cam kết về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng; từ khi vay đến nay ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền là 12.023.008 đồng; trong đó nợ gốc là 11.942.808 đồng và tiền lãi là 80.208 đồng. Mặc dù Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D đã thường xuyên đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ nhưng ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Tính đến ngày 12/11/2021 ông M và bà H1 còn nợ ngân hàng số tiền nợ là 2.000.045.470 đồng; trong đó nợ gốc là 1.788.057.192 đồng; lãi trong hạn là 197.698.079 đồng, lãi quá hạn là 14.290.199 đồng;

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D số tiền 2.000.045.470 đồng; trong đó nợ gốc 1.788.057.192 đồng, lãi trong hạn 197.698.079 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 12/11/2021 là 14.290.199 đồng. Ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc chậm trả theo mức

lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho vay kể từ ngày 13/11/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Nếu ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 không trả số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D thì yêu cầu Toà án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D.

Xét thấy, việc ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã vi phạm cam kết trả nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D nên đã gây thiệt hại cho Ngân hàng. Vì vậy, việc Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D yêu cầu ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trả nợ là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, xét cần chấp nhận.

Việc bà Nguyễn Thị Ngọc H1 thừa nhận số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09/7/2021 là 1.926.175.633 đồng và xin trả cho Ngân hàng trong thời gian 03 tháng cho đến khi trả hết nợ nhưng không được ngân hàng chấp nhận; điều đó thể hiện ông M và bà H1 không có thiện chí trả nợ, mà chỉ nhằm kéo dài thời gian, trì hoãn việc trả nợ gây thiệt hại cho ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D đối với ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 là có căn cứ.

[4] Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 063/20/HĐCV-9357, ngày 26/10/2020; khế ước nhận nợ số 001/KUNN/063/20/HĐCV-9357 ngày 26/10/2020 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 062/20/HĐTC-9357, ngày 26/10/2020 tài sản là quyền sử dụng đất; thửa đất số 83, tờ bản đồ số 105, diện tích 161,8m², nhà cấp 3, diện tích sử dụng 92,4m², tại tổ 05, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CO 178203, số vào sổ cấp GCN số CTs 165401, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 và Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 2.000.000 đồng bị đơn phải chịu.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo giá ngạch là 72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 2.000.000.000 đồng, đối với số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 và Điều 299, 303 Bộ luật D sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D đối với ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1.

Tuyên xử: Buộc ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Quốc D số tiền nợ là 2.000.045.470 đồng; trong đó nợ gốc 1.788.057.192 đồng, lãi trong hạn 197.698.079 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 12/11/2021 là 14.290.199 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 13/11/2021) ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất; thửa đất số 83, tờ bản đồ số 105, diện tích 161,8m², nhà cấp 3, diện tích sử dụng 92,4m², tại tổ 05, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CO 178203, sổ vào sổ cấp GCN số CTs 165401, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 23/7/2018 đứng tên ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quốc D theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 062/20/HĐTC-9357 ngày 26/10/2020; được Văn phòng công chứng Sông Hàn công chứng ngày 26/10/2020 và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng ngày 26/10/2020 (hiện trạng tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 3, tường xây, nền gạch men, gác lửng bê tông, mái lợp tôn, trần la phong, cầu thang lan can sắt, mái hiên lợp tôn, diện tích sử dụng 92,4m²) được xử lý theo quy định tại Điều 299, Điều 303 Bộ luật dân sự để đảm bảo thi hành án.

Buộc ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trả lại cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Quốc D chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: 72.000.909 đồng, ông Lê Công M và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 33.969.760 đồng, theo biên lai thu số 007243 ngày 26/3/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm